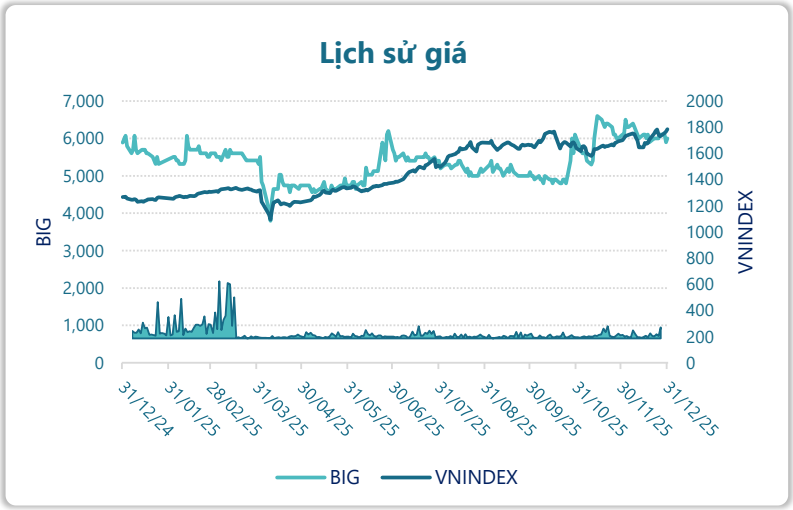
FireAnt

CTCP Đầu tư BIG Group Holdings (UPCOM: BIG)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,797
SL cổ phiếu LH	15,989,530
KLGD BQ 20 phiên (CP)	277,435
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	96
P/E	2.6
EPS	2,285

DT thuần

Q4/25

234

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 151| 181%

LN sau thuế

Q4/25

33.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 31.7| 2341%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

10.7%

+/- YoY: ▲ 6.8%

DT thuần

2025

526

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 62.0| 13.3%

LN sau thuế

2025

36.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.7| 273%

ROE

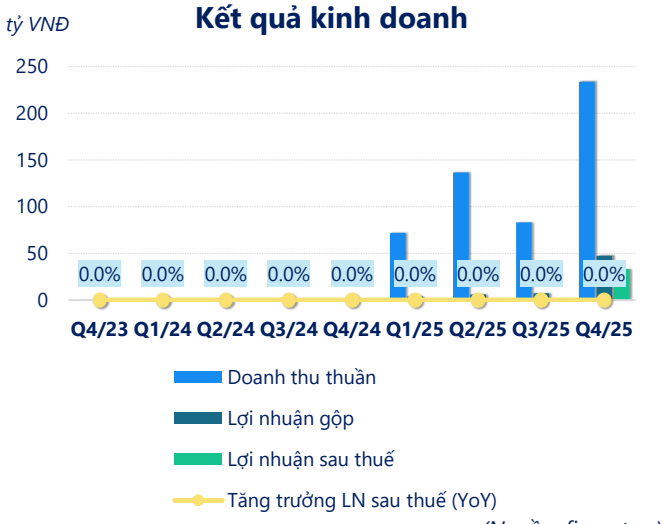
2025

19.4%

+/- YoY: ▲ 10.6%

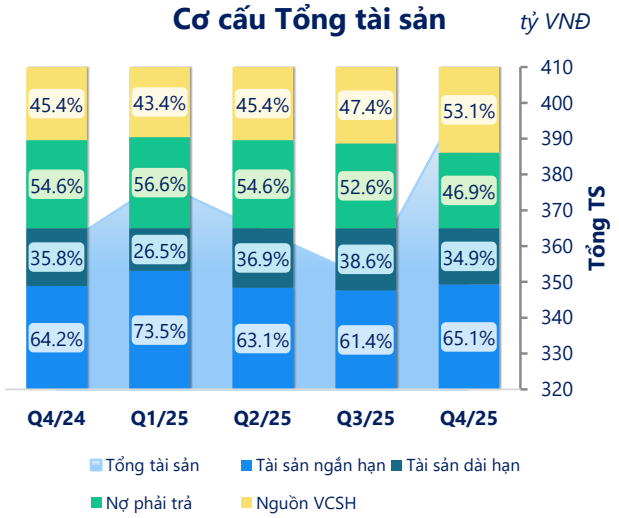
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



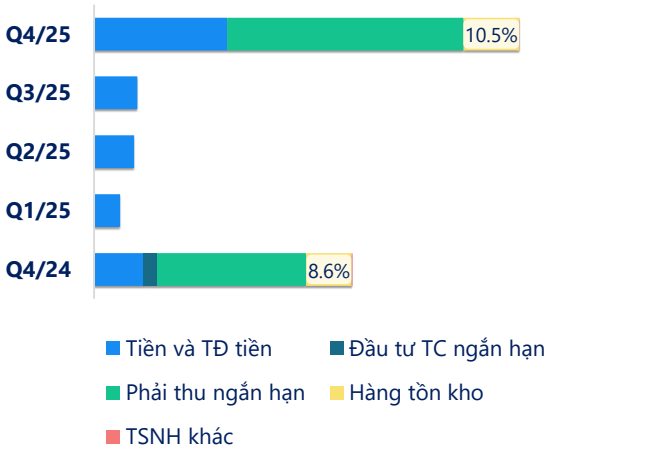
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



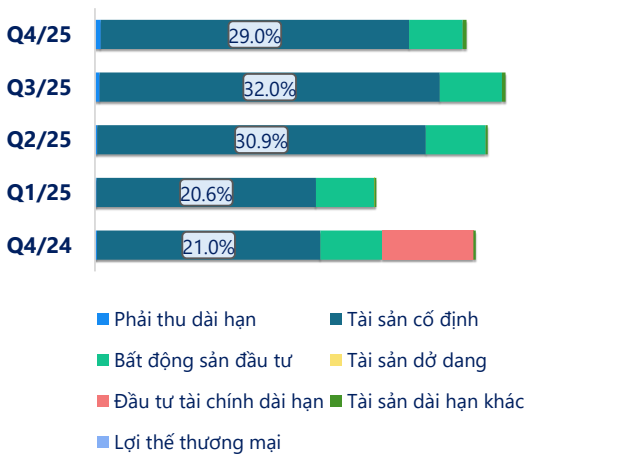
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



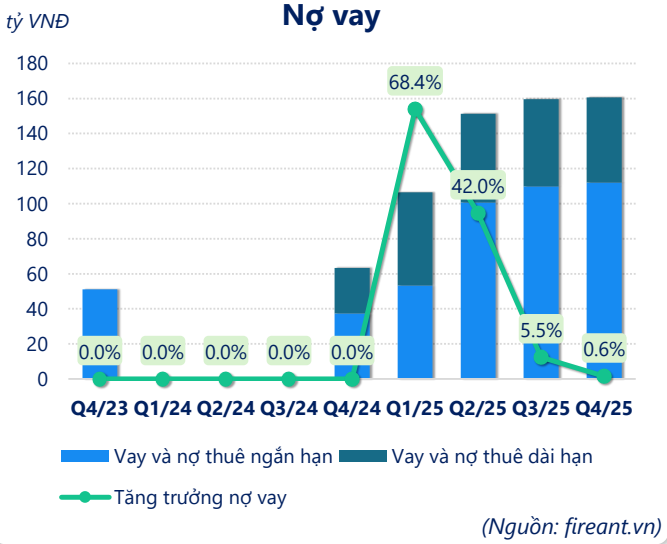
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



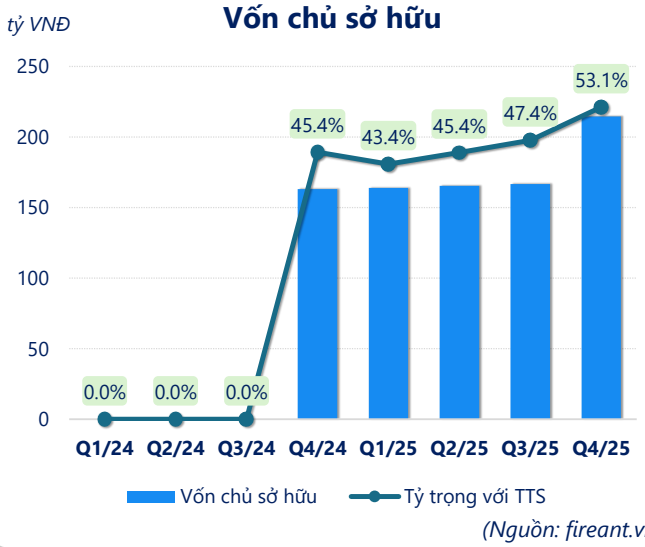
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



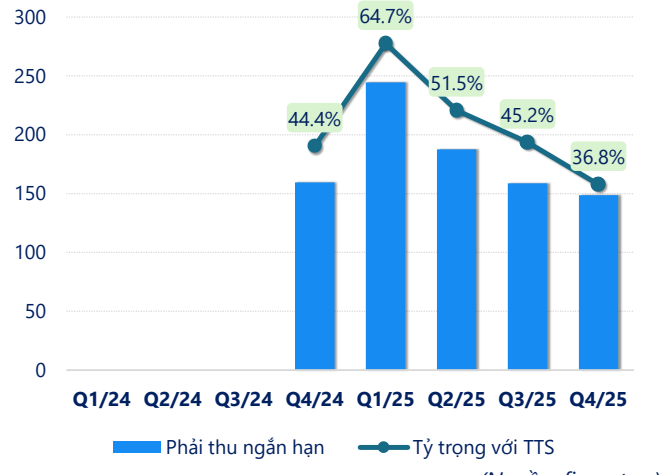
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



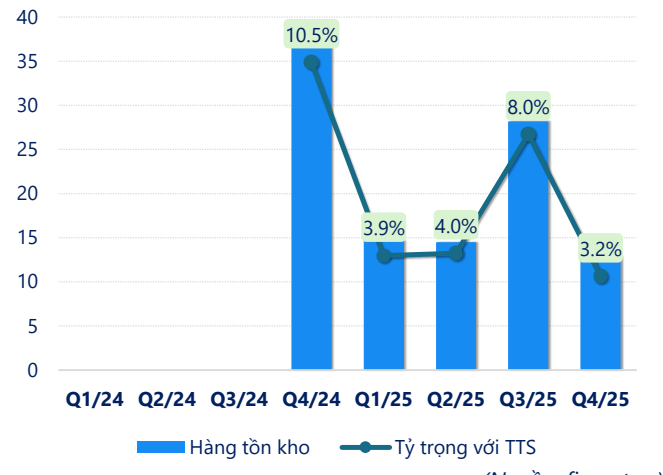
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



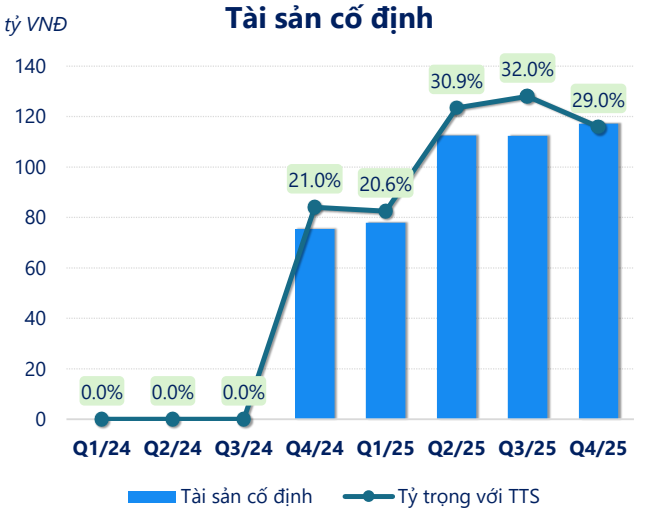
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



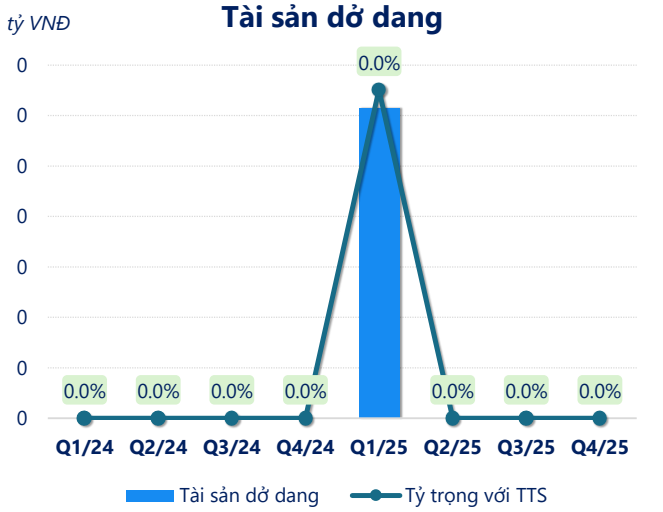
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



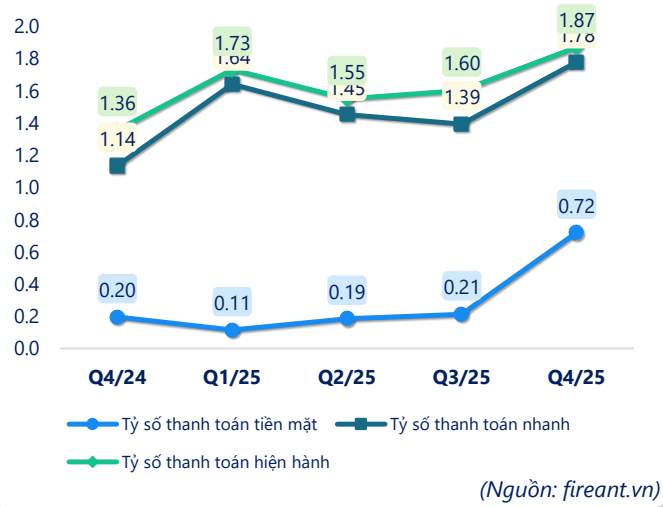
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



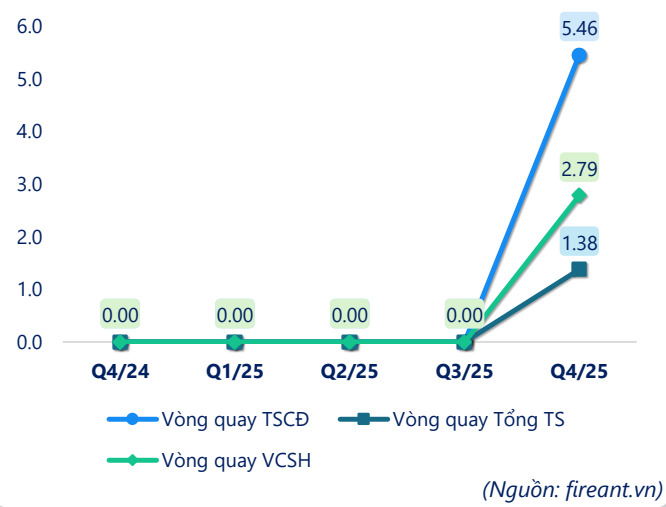
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**359**	**378**	**364**	**351**	**404**
Tài sản ngắn hạn	**230**	**278**	**230**	**216**	**263**
Tiền và tương đương tiền	33.2	18.4	27.5	28.6	101
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	159	245	188	159	149
Hàng tồn kho	37.6	14.7	14.5	28.2	12.9
Tài sản ngắn hạn khác	0.16	0.17	0.15	0.16	0.21
Tài sản dài hạn	**129**	**99.9**	**134**	**136**	**141**
Phải thu dài hạn	0.64	0.64	0.80	1.50	2.18
Tài sản cố định	75.5	77.9	112	112	117
Bất động sản đầu tư	20.7	20.7	20.6	20.5	20.4
Tài sản dở dang	0	0.01	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	30.9	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.84	0.73	0.64	1.26	1.46
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**196**	**214**	**199**	**185**	**190**
Nợ ngắn hạn	**170**	**160**	**148**	**135**	**141**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	37.3	53.4	101	110	112
Phải trả người bán ngắn hạn	128	95.0	28.9	15.6	10.5
Nợ dài hạn	26.2	53.4	50.7	50.1	49.0
Vay và nợ thuê dài hạn	26.0	53.2	50.5	49.9	48.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	**163**	**164**	**165**	**167**	**215**
Vốn chủ sở hữu	**163**	**164**	**165**	**167**	**215**
Vốn điều lệ	151	151	151	160	160
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)